

Số: 2844 /HD-SNN

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung thực hiện Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh về ban hành Quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh về ban hành Quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại khoản 4, Điều 8, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung cụ thể sau đây:

I. Các căn cứ để Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất

1. Về đối tượng khách hàng được vay vốn hỗ trợ lãi suất đã được quy định rất rõ và cụ thể tại Điều 3 của Quyết định. *Ngoài ra, một số nội dung cụ thể tại văn bản này được hiểu như sau:*

a) Sản xuất nông nghiệp theo hướng Viet GAP: Là sản xuất theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của Bộ Nông nghiệp và PTNT cho rau, quả tươi và chăn nuôi bò sữa, lợn, ong, gia cầm,... an toàn, được Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố, thị xã xác nhận;

b) Sản xuất lúa hàng hóa tập trung: Là sản xuất có quy mô tập trung 5 ha trở lên, sử dụng một giống lúa có năng suất, chất lượng cao nằm trong cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh nhằm mục đích tạo sản phẩm hàng hóa để bán;

c) Cam chất lượng cao: Là cam được sản xuất từ các giống cam bù, cam chanh có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng;

d) Nuôi trồng thủy sản thâm canh: Là nuôi trồng thủy sản sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng; sử dụng thức ăn công nghiệp và tuân thủ theo quy trình kỹ thuật nuôi;

e) Trang thiết bị vật tư ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất muối bao gồm: Ứng dụng tấm hấp thụ nhiệt trải bạt ô kết tinh; xây dựng hệ thống chạt lọc cải tiến; xây dựng và cải tạo ô kết tinh, chêm cát.



Ban Quản lý xây dựng NTM cấp xã căn cứ Điều 1: Đối tượng áp dụng; Điều 2: Phạm vi áp dụng; Điều 3: Đối tượng vay vốn được hỗ trợ lãi suất và hướng dẫn một số nội dung cụ thể nêu trên để xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 8.

2. Để Ban Quản lý xây dựng NTM cấp xã thuận tiện tra cứu xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay vốn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp đối tượng, quy mô sản xuất,... được hỗ trợ lãi suất (chi tiết hướng như phụ lục kèm).

II. Về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất, công tác quyết toán (tại điểm b, khoản 4, Điều 8)

1. Về phân bổ nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất: nguồn vốn dùng để hỗ trợ lãi suất từ nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định giao vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn hàng năm đối với nguồn vốn Trung ương và tỉnh thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phải dành ít nhất là 50% kinh phí ở nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất). Đối với ngân sách cấp huyện, xã do các cấp quy định theo thẩm quyền.

2. Về quản lý, sử dụng nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất:

- Quản lý, sử dụng nguồn vốn: Ban quản lý cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đối tượng, phạm vi sử dụng theo đúng quy định tại Quyết định 26/2012 của UBND tỉnh.

- Về thủ tục để được thanh toán hỗ trợ lãi suất gồm:

+ Khế ước nhận nợ (theo mẫu quy định của ngân hàng);

+ Thanh lý khoản vay ngân hàng (theo mẫu quy định của ngân hàng);

+ Giấy xác nhận đề nghị hỗ trợ lãi suất (theo mẫu quy định của ngân hàng nhà nước tỉnh);

+ Danh sách chi tiết số lãi phải hỗ trợ cho từng khách hàng (do tổ chức tín dụng nơi cho vay lập) gửi đến Ban quản lý NTM cấp xã (theo mẫu quy định của ngân hàng nhà nước tỉnh).

- Thời gian thanh toán hỗ trợ lãi suất: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của khách hàng Ban quản lý NTM cấp xã trực tiếp chi trả tiền hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng được hỗ trợ.

3. Công tác quyết toán: Kết thúc niên độ ngân sách, UBND xã có trách nhiệm quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất vào chi thường xuyên của ngân sách cấp xã theo quy định của nhà nước hiện hành và chế độ quản lý tài chính ngân sách xã.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung mục 4 Điều 8 của Quyết định 26/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh để các cấp triển khai thực hiện.

Đề nghị Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố sao gửi và hướng dẫn Ban chỉ đạo, Ban quản lý Chương trình nông

thôn mới các xã thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Trưởng, Phó Trưởng BCD XDNT mới tỉnh; (Đề b/c)
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện, thành phố, thị xã;
- Sở Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước Hà Tĩnh;
- Kho bạc Nhà nước Hà Tĩnh;
- Lưu KHTC, VT.

ll

GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Sơn

ÔNG
3
NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HÀ TĨNH

Phụ lục: Hướng dẫn một số nội dung tại Điều 3 Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh

(Kèm theo Hướng dẫn số 2844 /HD-SNN ngày 10/8/2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Ngành sản xuất	Điều kiện để được hỗ trợ	
		Loại hình sản xuất	Quy mô
1	Trồng trọt	Sản xuất nông nghiệp theo hướng Viet GAP: Là sản xuất nông nghiệp theo Quy trình sản xuất tốt của Bộ Nông nghiệp và PTNT cho rau, quả tươi và chăn nuôi bò sữa, lợn, ong, gia cầm,... an toàn, được Phòng Nông nghiệp các huyện hoặc Phòng kinh tế thành phố, thị xã xác nhận	
		Sản xuất rau, củ, quả tập trung	≥ 0,5 ha
		Sản xuất lạc: Với quy mô tập trung, mục đích hàng hóa	≥ 0,5 ha
		Sản xuất lúa hàng hóa tập trung: Là sản xuất có quy mô 05 ha trở lên, sử dụng một giống lúa có năng suất, chất lượng cao nằm trong cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh nhằm mục đích tạo ra sản phẩm hàng hóa để bán	≥ 5 ha
		Sản xuất bưởi Phúc Trạch tập trung	≥ 0,5 ha
		Cam chất lượng cao: Là cam được sản xuất từ các giống cam bùi, cam chanh có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng	≥ 0,5 ha
		Sản xuất chè	≥ 01 ha
		Trồng hoa	≥ 0,2 ha
		Chăn nuôi lợn trang trại: Nuôi lợn ông bà, bố mẹ hoặc lợn thịt cách xa khu dân cư tối thiểu 100m	≥ 30 con lợn ông bà ≥ 50 con lợn bố mẹ ≥ 300 con lợn thịt/lúa
		2	Chăn nuôi
Chăn nuôi hươu cái sinh sản	≥ 05 con		
Chăn nuôi bò	≥ 10 con		
Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt	≥ 100 con gia súc ≥ 1000 con gia cầm		
3	Lâm nghiệp	Trồng rừng sản xuất	≥ 02 ha
		Trồng cao su	≥ 01 ha

Điều kiện để được hỗ trợ		Quy mô, công suất
Ngành sản xuất	Loại hình sản xuất	
4	Muối	Mua trang thiết bị vật tư ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất muối bao gồm: Ứng dụng tấm hấp thụ nhiệt trái bạt ô kết tinh; xây dựng hệ thống chạt lọc cải tiến; xây dựng và cải tạo ô kết tinh, chêm cát
5	Thủy sản	Nuôi trồng thủy sản thâm canh: Là nuôi trồng thủy sản sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng; sử dụng thức ăn công nghiệp và tuân thủ theo quy trình kỹ thuật nuôi
		Nuôi trồng thủy sản bằng lồng (loại lồng 15m3 trở lên)
		Nuôi trồng thủy sản trong bể xi măng, ao lót bạt
		Cải hoán tàu khai thác
		Đóng mới tàu cá
6	Đầu tư vào các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn	Mua tàu khai thác thủy sản từ ngoại tỉnh về phục vụ khai thác
		Đầu tư phát triển các loại nghề lưới vây, lưới rê, chụp mực, cá, trên tàu cá
		Doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng 70% lao động địa phương tại địa bàn xã trở lên, hoạt động sản xuất kinh doanh có sử dụng nguyên liệu từ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, cung ứng dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã
		Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo chợ, trung tâm thương mại, hệ thống kho bãi dự trữ, tập kết hàng hóa cho bà con nông dân trên địa bàn xã
		Tổ chức, thương nhân chuyên thu gom, dự trữ, bảo quản, tiêu thụ nông sản trên địa bàn có hợp đồng dài hạn (trên 5 năm) và có tài sản bảo đảm tiên vay theo quy định của pháp luật
		Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào cụm, điểm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn xã
Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, bao gồm:		
		<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản - Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy và phụ tùng máy nông nghiệp, nông cụ sản xuất nông nghiệp - Các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh, tại các làng nghề truyền thống

TT	Ngành sản xuất	Đối tượng	Điều kiện để được hỗ trợ	
			Các loại máy	
7	Sản xuất nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch	Khách hàng vay vốn để đầu tư các thiết bị trực tiếp sản xuất và phục vụ sản xuất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản mà các máy móc, thiết bị đó không đáp ứng đủ các điều kiện: có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật, có giá trị sản xuất trong nước trên 60% để được hưởng hỗ trợ lãi suất theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng chính phủ.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại máy làm đất: máy kéo (loại 2 bánh và 4 bánh); máy cày, bừa, phay; bánh lồng; máy rạch hàng - Các loại máy gieo hạt, máy cấy, máy trồng cây, thiết bị dây chuyền sản xuất mạ thâm; máy sàng, máy trộn, máy đưa phân bón vào vi xốp để gieo hạt, hệ thống tưới phun tự động - Các loại máy xới, máy vun luống, máy bón phân, máy phun thuốc trừ sâu, máy bơm nước - Các loại máy thu hoạch lúa, ngô, mía; máy đốn, hái chè - Máy nạo, hút bùn nuôi trồng thủy sản - Máy sục ô xy nuôi trồng thủy sản - Hệ thống tủ cấp đông, tủ bảo quản, hầm bảo quản sản phẩm bằng xốp thổi (polyfoam), thiết bị ngưng tụ nước đá bằng nước biển - Các loại máy sấy nông sản (hạt rau, củ, quả) quy mô hộ - Các loại máy tước đập lúa, máy tẽ ngô, máy đập đầu tương, máy bóc vỏ lạc - Máy móc, thiết bị dùng cho sản xuất giống thủy sản; vật tư, thiết bị xây dựng, cải tạo các ao (hồ) nuôi thủy sản; thiết bị, phương tiện phục vụ nuôi trồng, thu hoạch và vận chuyển thủy sản - Thiết bị làm lạnh, cấp đông, thiết bị sản xuất nước đá trên tàu cá, hầm bảo quản phục vụ khai thác dài ngày trên biển - Máy móc, thiết bị xay xát gạo có tỷ lệ thu hồi gạo nguyên cao (đến 70%) - Dây chuyền, thiết bị chọn và xử lý hạt giống, cân định lượng, máy đóng bao - Dây chuyền thiết bị chế biến chè - Dây chuyền chế biến rau quả - Dây chuyền chế biến giống rau - Máy móc, thiết bị bọc màng bán thấm (coating), chiếu xạ, tiệt trùng bằng nước nóng đối với rau quả tươi - Hệ thống sơ chế rau quả (Packing House) tại các chợ đầu mối - Hệ thống máy móc, thiết bị, dây chuyền chế biến bột cá - Máy móc, thiết bị nâng hạ, xe vận chuyển chuyên dùng vận chuyển thủy sản - Máy móc, thiết bị xử lý chế phẩm sau chế biến thủy sản (vỏ ốc, tôm, nghêu) - Kho tạm trữ lúa - Kho lạnh bảo quản thủy sản 	